

Đặng Lang Anh - Hồ Thanh Huyền

1. Chú và tôi tình thương yêu rất lạ
Người với Người "Nhân ái sáng long lanh"
Chú hằng đêm nguyện cầu ân Thiên Chúa
● Ban cho tôi hồng phúc mãi tươi xanh
2. Chú và tôi không chung giòng huyết thống
Tiếng nói thì kẻ Bắc với người Nam
Chú sinh ra bên ven bờ sông Nhị
Tôi chào đời trên bến Cầu Long giang
3. Mẹ chú nuôi con quang gánh bến sông Cầu
Má tôi tận tảo quán nghèo bờ sông Hậu
Mẹ sinh chú năm 30 thời nô lệ
Má đẻ cho tôi năm Ất Dậu cơ hàn
4. Chú lớn lên trong vòng tay Thiên Chúa
Lời kinh đêm nguyện Mẹ Maria
Tôi thành tâm khấn niệm Phật Di Đà
Cầu Quán Thế Âm từ bi phổ độ
5. Quàng vai cháu chú vỗ về lạ nhĩ
Như từ kiếp nào ta đã bên nhau
Nghìn năm xưa chưa nói một câu nào
Mà thoáng chốc thành vong niên tri kỷ

TP. Long Xuyên ngày 24-6-2014

Nghĩa thức *Ngô Văn Tiến* và *tôi*

Đầu niên khóa 1972-1973, tôi được Giám học trường Trung học Tổng hợp Chương Bình Lễ, phân công giảng dạy Lý Hóa khối lớp 12, trong đó có lớp 12 A1. Lớp học rất đông học sinh, tuổi tác, học lực khác nhau, trai gái đều có đủ. Học lực các học sinh của tôi khác nhau, là vì thời ấy muốn học lớp 12 để soạn thi tú tài II, thì phải đậu tú tài I. Có học sinh của tôi nhiều năm rớt tú tài I, nên khi vào lớp học chung với đàn em nhỏ tuổi hơn, không bị hỏng thi tú tài I lần nào. Nhưng lớp học như thế cũng không kém phần sôi nổi, cũng có một số học sinh từ các nơi khác chuyển đến.

Trường Trung học tổng hợp Chương Bình Lễ cũng vừa được xây dựng xong, còn mới, thầy cô cũng mới, nên không khí học tập lúc nào cũng rộn rã, vui tươi. Lớp 12 A1 năm ấy đem lại cho tôi tình thầy trò trong sáng và vô tư lắm. Lúc ấy tôi mới 27 tuổi, trong lớp học nhỏ tuổi nhất là các học sinh nam nữ, tuổi mới 17. Lớp học rất đông, trên 80 em, nhưng tôi giảng bài không biết mệt. Có lẽ vì tuổi còn trẻ, mới tốt nghiệp ĐHSP chỉ 3-4 năm.

Học trò của tôi hồn nhiên, đáng yêu lắm. Cũng có một số nam sinh chỉ nhỏ hơn thầy (là tôi) khoảng 6-7 tuổi mà thôi. Thời ấy còn chiến tranh, khai sinh thường không thật chính xác, đúng ngày đúng năm. Vả lại mùa hè năm đó (1972), được mệnh danh là mùa hè đỏ lửa. Cuộc chiến đang ở vào giai đoạn khốc liệt, ai rớt tú tài II phải nhập ngũ, khóa sĩ quan trừ bị Thủ Đức.

Vì vậy lớp học của tôi thường xôn xao với tình hình chiến sự, từ Quảng Trị tới Cà Mau. Bản thân các thầy dạy trong nhà trường như chúng tôi, cũng không biết ngày nào được gọi tái ngũ (nếu tình hình chiến sự trở nên sôi động hơn).



Như một định mệnh, Ngô Lâm Viên là học trò của tôi trong lớp 12 A1 năm ấy. Thầy trò cách nhau đúng 10 tuổi. Chỉ biết Viên là học sinh khá giỏi (đậu tú tài I và II đều hạng Bình thứ - hạng khá). Viên trắng trẻo, đáng người mảnh khảnh, nhưng linh hoạt, ham mê âm nhạc, có tài vẽ, nhất là vẽ trên stencil, mực Tàu bút sắt... Kể nhạc trên stencil rõ ràng, mỹ thuật.

Năm ấy trên tạp chí Văn (có tiếng đứng đắn và phê bình văn học có uy tín), có đăng một bài thơ của Nguyễn Tất Nhiên, là một thi sĩ rất trẻ (1952-1992, tên thật là Nguyễn Hoàng Hải. Kể từ năm 1980, định cư tại Mỹ và mất tại California vào năm 1992). Bài thơ có tên là "Em hiền như masoeur". Tôi có biết chút ít nhạc lý, nên trở tài sáng tác, phổ thơ thành nhạc bài thơ này. Bản nhạc đầu tay của tôi, nhịp 3/4, mang tên "Đưa em về dưới mưa", rất đơn sơ, chỉ là để thỏa mãn niềm đam mê của một thanh niên 27 tuổi.

1. Đưa em về dưới mưa
Nói năng chi cũng thừa
Phát phơ đời sương gió
Hồn mình gần nhau chưa
2. Tay ta đôi bàn tay
Vuốt tóc em lưng dài
Những trưa ngồi quán vắng
Cho nhau tình phơi thai
3. Xa nhau mà không hay
Hỡi em cười vô tội
Tim ta nhiều sám hối
Một đời này ăn năn
4. Em ngồi như thiên thu
Vết thương đau bốn mùa
Trái tim ta thần thánh
Ma soeur này Ma soeur

► 5. *Đưa em về dưới mưa*
Ướt bao nhiêu cũng vừa
Ta như nghìn giọt mưa
Dạt dào bờ môi khô

Sáng tác được nhạc phẩm phổ thơ, nhưng thấy không ưng ý, vui mừng lắm, vì thế chẳng dám khoe với ai. Bỗng tuần sau, nghe trên đài phát thanh âm điệu bài thơ “Em hiền như masoeur”, nhạc sĩ phổ nhạc là Phạm Duy. Thôi rồi, phù thủy âm nhạc đã phổ bài thơ ấy rồi, mình chỉ là học trò, bước đi chưa vững làm sao sánh được với nhạc sĩ thế hệ trước, lại là thiên tài âm nhạc. Tôi buồn mà cũng không dám thố lộ cùng ai. Tan tành giấc mơ sáng tác!

Một hôm vào giờ học cuối trong ngày buổi sáng (hồi đó gọi là giờ học chớ không gọi là tiết học như ngày hôm nay), tôi tâm sự với học sinh lớp 12 A1 về bài thơ phổ nhạc “Đưa em về dưới mưa”. Cả lớp cũng vui rộn rã khi nghe thầy nói về âm nhạc, nhưng chùng xuống theo nỗi buồn của tôi, vì biết rằng sáng tác này chỉ có mình tôi biết và nhớ mà thôi! Với một lần duy nhất tôi trình bày cho học trò lớp 12 A1 nghe mà thôi, rồi phôi pha theo thời gian. Mà thật thế! Ngày nay sau 42 năm, tôi còn nhớ được bao nhiêu đâu, tiếng nhạc phổ thơ tim óc đầu tay của mình đâu! Đã quên gần hết!

Học trò của tôi ở lớp 12 A1 (1972) trên 80 em ngày đó (vì đây là lớp 12A duy nhất sinh ngữ chính là Anh văn), chắc không nhớ gì về giai điệu vụng về của thầy dạy môn Lý Hóa. Ngoại trừ, một người! Người đó là Ngô Lâm Viên. Tôi không hiểu sao? Hơn bốn mươi năm sau mà Viên vẫn còn nhớ - bản nhạc đầu tay của thầy đã phổ thơ (bài viết “Kỷ ức về thầy” của Viên đăng trên nội san Giáo dục An Giang, số đặc biệt Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11/2005, có nhắc đến kỷ

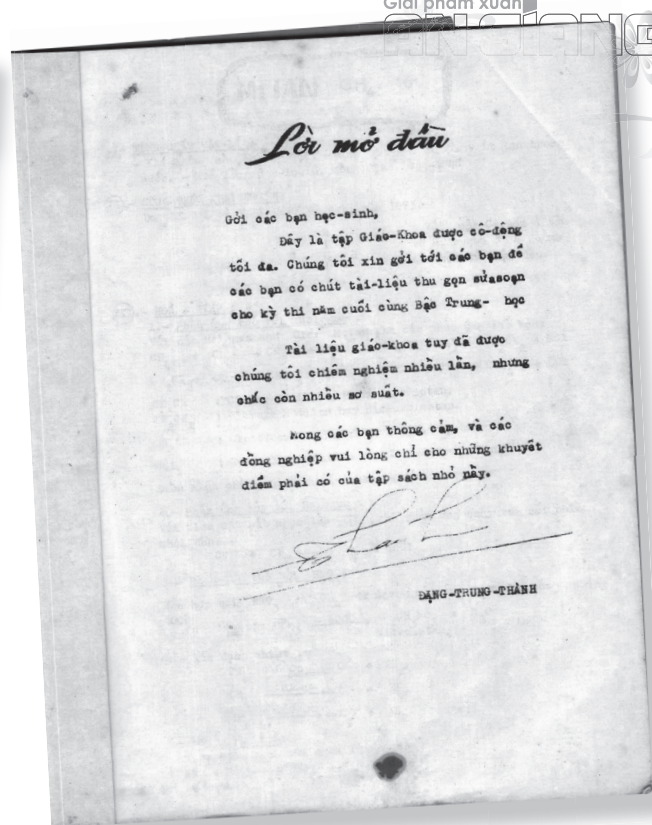
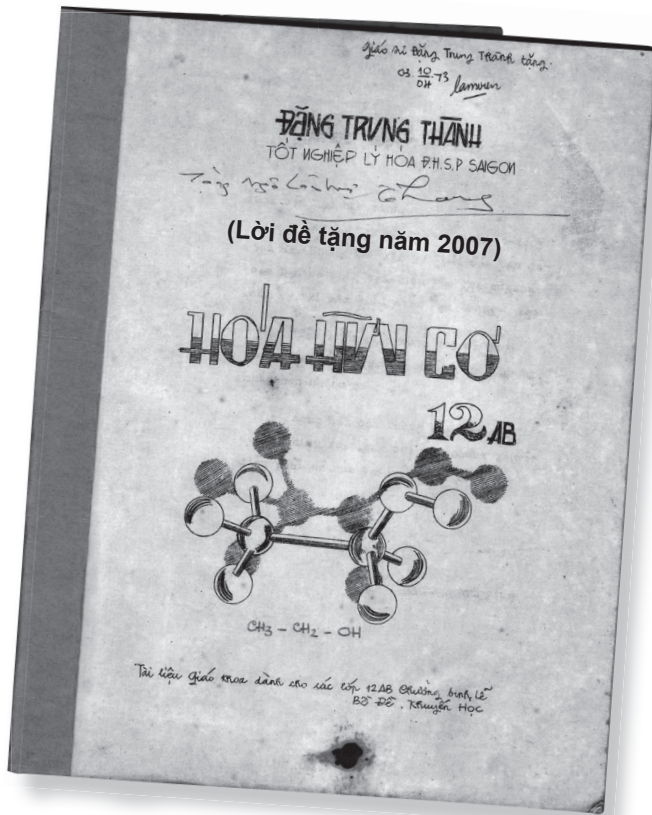
niệm này khi viết về tôi).

Tôi nghĩ, giữa người và người (trò và thầy thì cũng là người và người), hình như có một liên tưởng, thông cảm siêu hình không giải thích được. Một gương mặt, một bài thơ, một câu nói - thấy một lần - nghe một lần là nhớ mãi... nhớ mãi không quên!

Cours Hóa hữu cơ lớp 12AB tôi biên soạn cho học sinh trường Trung học tổng hợp Chương Bình Lễ, giao cho em Hồ Quốc Thái, lớp 12 B2, là một trong những học sinh giỏi nhất khối lớp 12, thực hiện in ronéo cho các bạn cùng khối lớp. Trước đây in rời từng bài, nay in và đóng thành tập cho học sinh khi ôn thi tú tài II để học, để lưu giữ. Kỳ thi tú tài II năm 1973 là khóa thi cuối cùng bằng hình thức thi viết, năm sau là khóa thi tú tài trắc nghiệm lần đầu tiên.

Không ngờ lúc đó Ngô Lâm Viên, ngoài giờ học trong lớp, buổi chiều đến làm thêm, giúp phần trang trí, mỹ thuật cho tiệm in ronéo Thịnh. Ông Phan Thành Các là chủ tiệm, đưa cho Viên trình bày bì, vì bên trong đã đánh máy bằng máy đánh chữ quả cầu IBM. Khi nhận được cours này, tôi rất ưng ý vì bì được trình bày về hóa học hữu cơ đúng như nội dung bài học. Tôi nhờ ông Các chuyển tặng cho Viên một cuốn, nhưng không có lời đề tặng.

Hơn 30 năm sau, những thăng trầm trong cuộc sống, di dời nhà cửa. Chính cours tác phẩm của tôi cũng không còn giữ được. Cứ tưởng là mãi mãi không còn chút kỷ niệm ấy. May thay, không ngờ Viên còn giữ rất kỹ, nguyên vẹn như mới. Năm 2007 tôi gặp lại Trần Doãn Quý (Anh văn), nhân dịp này Viên tặng cho hai thầy hai bản photocopy (còn đẹp hơn bản gốc vì giấy đã cũ, vàng ố), một là cours Hóa hữu cơ cho tôi và một là English Grammar and Tests cho Quý, là hai quyển của tôi và Quý soạn năm 1973. Năm 2009



Viên còn dành một gác nhiên cho thầy Phạm Văn Nhơn, khi tặng cho thầy cuốn cours Vạn vật (bản photocopy) mà thầy soạn khi dạy ở lớp 11 A1 của Viên năm 1971. Tôi thấy thầy cảm động quá, không ngờ còn gặp lại bài soạn của mình, cứ ngỡ là đã hoàn toàn mất tích như cours Hóa hữu cơ của tôi (thầy Nhơn cũng là thầy dạy tôi môn Vạn vật lớp đệ tam trường Trung học Thoại Ngọc Hầu, niên khóa 1961-1962).

Lòng tôi sung sướng vô biên và không biết nói lời gì để cảm ơn, người học trò thân yêu đã giữ chút kỷ vật cho tôi trong đời dạy học của mình. Những kỷ vật ấy ngàn vàng cũng không mua được. Cũng như quyển Grands coeur (Ed De Amicis), tôi dành dụm mua để trau dồi Pháp văn từ năm 1959, tôi gìn giữ bao nhiêu năm nay (hơn nửa thế kỷ). Tôi thương quý nó, mỗi lần lấy ra xem lại, tôi lại thấy chính mình. Tôi yêu thằng tôi là thằng bé ham học, mà còn biết trân trọng quyển sách đã làm nên nhân cách cho mình nữa.

Đầu năm 1974, trận hải chiến lịch sử Hoàng Sa làm hoang mang cả nước. Và sau 30-4-1975,

tôi không còn giữ được nếp sống cũ của mình được nữa. Còn Viên năm 1973 đậu vào trường Sư phạm Long Xuyên, năm 1975 tốt nghiệp về công tác tại trường bổ túc công nông Võ Thị Sáu (tỉnh Long Châu Hà). Cơ sở của trường Võ Thị Sáu trước là trường Trung học tổng hợp Chương Bình Lễ. Còn tôi sau những nhọc nhằn, đau xót ở trường trung học kỹ thuật Long Châu Hà, phải chịu sự phân công về dạy ở thị xã Châu Đốc (trường cấp 3 Châu Đốc, tức trường Thủ Khoa Nghĩa).

Sau những cơn ác mộng vì pháo kích của Khmer đỏ (Polpot - Yeng Sary), tôi không đủ can đảm sống cuộc sống nghệt thở dưới mưa bom và đạn pháo nữa. Và tôi trở thành một thợ sửa đồng hồ đeo tay (thợ hạng bét) và anh nông dân nghiệp dư ở huyện Thốt Nốt, tỉnh Hậu Giang (nay thuộc TP. Cần Thơ). Ở ấp Xã (xã Trung An), tôi gặp mọi điều khinh bỉ của xã hội nông thôn. Cán bộ "ba mươi" hống hách "làm tiền" trắng trợn. Nông dân hàng xóm đánh giá mình là người lỡ vận, không còn tiền của, ruộng đất, họ khinh rẻ mình ra mặt.

► Mỗi tuần tôi đạp xe khoảng 25 cây số, về thăm vợ con ở thị xã Long Xuyên (vợ tôi vẫn còn đi dạy ở để nuôi 3 đứa con, nhỏ nhất là Duy mới học mẫu giáo). Thất nghiệp, tiền dành dụm gửi ở ngân hàng, sau năm 1975 mất trắng. Tài sản mua được trước năm 1975 lần lượt bán đi hết: xe Honda, salon, giàn máy hát Kenwood, tủ lạnh, kèn Melodica, đàn violon... Bán hết! Bán hết!

Có lần đạp xe từ vùng sâu của Thốt Nốt về Long Xuyên, chân tôi rã rời, không còn muốn sống nữa. Nếu không có ba đứa con chắc vợ chồng tôi sống không nổi. Năm 1979 phong trào vượt biên ồ ạt, ngày nào ở thị xã Long Xuyên cũng có người ra đi, bằng đủ mọi cách, đủ mọi phương tiện. Trong trường học nào hầu như cũng có thầy cô giáo vượt biên, không nhiều thì ít.

Trong tình hình thiếu giáo viên giảng dạy, Ty Giáo dục và các trường phải tìm cách bổ sung nhân sự, vì mỗi trường đều có một lượng khá đông giáo viên miền Bắc vào chi viện, nhưng năng lực các vị này còn quá hạn chế, đạo đức cũng không tốt lắm, còn nhiều khiếm khuyết. Do đó, Ty Giáo dục nới lỏng qui định về lý lịch để tuyển giáo viên cho đủ nhu cầu.

Một buổi sáng tình cờ gặp Viên ở dốc cầu Duy Tân phía bên chợ, em tha thiết muốn mời tôi về dạy tại trường Võ Thị Sáu, vì nhà trường có nhờ em tìm một giáo viên dạy môn Lý, dạy giỏi và có đạo đức tốt. Lúc này tôi mới nhận ra Viên, sau 7 năm không gặp. Tôi mừng vì được đi dạy lại, kiếm chút tiền lương nuôi con, mà còn vì gặp lại người học trò cũ thân yêu của mình.

Hiệu trưởng trường bổ túc công nông Võ Thị Sáu là bà Hai Thanh, Hiệu phó phụ trách Hành chánh-Quản trị-Tổ chức là ông Sáu Khanh (Bí thư Đảng ủy trường), Hiệu phó chuyên môn là ông Năm Đối (miền Bắc vào chi viện). Trưởng phòng giáo vụ là ông An (miền Bắc vào chi viện).

Chỉ có anh Hồ Thanh Long trước dạy chung trường Chuông Bình Lễ với tôi, là giáo viên có lý lịch tốt, nên được đề bạt làm Phó phòng Giáo vụ. Lúc này Viên là thư ký của phòng Giáo vụ, đồng thời kiêm nhiệm thêm nhiều việc khác như thư viện, tổ chức thi tốt nghiệp hết cấp trong trường, tham gia các hội đồng thi tốt nghiệp BTVH của tỉnh, được chúng tôi phong là chuyên gia "Thư ký Hội đồng" của các Hội đồng coi thi và chấm thi BTVH hàng năm.

Năm sau, một ông Trưởng phòng Giáo dục quận I của TP.Hồ Chí Minh, đổi về làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Thanh tra, sau đó thay bà Hai Thanh làm Hiệu trưởng. Đó là ông Thái Công Khởi, cựu tù Côn Đảo, với thời gian bị giam giữ là 17 năm cho đến ngày giải phóng 30/4/1975 mới được giải thoát. Cuộc sống của gia đình tôi được ông Ba Khởi giúp đỡ nên có phần bớt khó khăn hơn.

Tình nghĩa và sự lo lắng của Viên dành cho tôi, không thể nào quên. Ở trường Võ Thị Sáu, vì mọi người từ nhân viên cho đến học viên, đều có ý thương mến Viên, vì vậy khi Viên giới thiệu tôi là thầy học cũ của em với lòng tự hào, tôi thấy họ tỏ vẻ kính trọng mình lắm.



Đến năm 1988, mẹ của Viên qua đời, sau 5 năm chống chọi, chịu đựng căn bệnh ung thư quái ác. Chúng tôi có đến viếng tang, gia đình của em lúc đó khó khăn, khổ cực không kém gia đình tôi. Ở đám tang, anh chị cả (trong miền Nam là thứ Hai) của Viên đến chào tôi, tôi mới biết đó là Ngô Anh Dũng và Nguyễn Bạch Diệp, học trò cũ của tôi ở trường tư thục Công giáo Phụng Sự.

Lần đầu tiên cụ thân sinh của Viên tôi mới được tiếp chuyện. Biết ông từ lâu với tên hay gọi là "Bắc kỳ Tiến", giáo viên phụ trách "đả tự" (đánh máy), kế toán, thủ kho vật liệu của Ty Tiểu học An Giang (trước năm 1975). Các giáo viên trong tỉnh An Giang hay gọi ông là "Bắc kỳ Tiến", vì ông là người độc nhất trong Ty Tiểu học là người miền Bắc di cư. Mà gọi "Bắc kỳ Tiến" là gọi với sự thương mến và tôn trọng (không có ý kỳ thị Bắc Nam), vì ông là người giỏi dang, mà lại hòa đồng, luôn luôn giang tay giúp đỡ các đồng nghiệp. Dường như chẳng có ai ghét hoặc có ác cảm với ông sau khi tiếp xúc, ngược lại được rất nhiều người, đồng nghiệp, thương mến xem như anh em ruột trong nhà.

Có một lần cách đây 6 năm (khoảng năm 2008), tôi và Viên tới thăm thầy Lê Ngọc Diệp (là thầy dạy tôi lớp Tư - lớp 2 bây giờ - năm 1952 ở Mỹ Hội Đông). Viên hỏi thầy Diệp: "Thưa thầy, trước năm 1975 bố con làm việc ở Ty Tiểu học, thầy có biết bố con không?" (vì tất cả giáo viên tiểu học trước 1975 đều lãnh lương ở Ty Tiểu học hằng tháng). Thầy Diệp hỏi lại: "Thế bố con tên gì?", Viên trả lời: "Dạ thưa thầy, bố con tên là Ngô Văn Tiến". Thầy Diệp nhớ ra ngay: "Phải "Bắc kỳ Tiến" không? Biết... Biết chứ!". Năm đó thầy Diệp đã trên 80 tuổi rồi, vẫn nhận ra ngay cái tên thân quen của người đồng nghiệp cũ.

Trước đó, tôi chỉ biết ông trong thời gian ông giúp đánh máy cho tiệm in Ronéo Thịnh. Gia đình công chức, đông con nên không được dư dả lắm, nếu không nói là chật vật. Sau năm 1975 lại càng khó khăn, bi đát hơn. Các con ông, anh chị em 7 người đều chưa có công việc ổn định lắm, chỉ có Dũng và Viên đi làm cho nhà nước, còn lại đi học hoặc làm nghề sống qua ngày, bấp bênh, chưa giúp được gì cho gia đình. Khi mẹ của Viên bị bệnh nan y, vẫn còn thiếu thốn đủ

bề, chịu đựng sự đau đớn về thể xác, trong lúc thuốc điều trị lúc bấy giờ mua rất khó và đắt tiền.

Tôi chỉ biết nói lời chia sẻ niềm đau với ông, ứa lệ nhìn người đàn ông mới gần 60 khóc vợ, rồi lại canh cánh vì đàn con, cháu còn quá nhỏ. Tôi viếng tang xong ra về với lòng nặng trĩu, khi nghĩ đến Viên và ông Tiến (thân sinh của em). Tôi cũng là nhà giáo như ông, mất hết cả. Tiếng cầu kinh của ca đoàn nhà thờ chánh tòa Long Xuyên, như kéo lê gót chân thân bằng cố hữu đến viếng tang, trong chiều không bóng nắng.

Có một lần gặp lại ông bên ly cà phê đen, do anh Phan Thành Các (chủ tiệm Ronéo Thịnh - là ba của Phan Phạm Cảnh Toàn, Giám đốc công ty Cảnh Toàn hiện nay) mời. Lần ấy tôi mới được tâm sự với ông, hiểu và thương mến ông hơn. Kính mến ông vì bản tính chân thành và thẳng thắn. Giọng nói ông lúc nào cũng sang sảng, mạnh mẽ. Có lẽ vì thế mà các bạn hữu Công giáo gọi ông là "Đại la tiên sinh" (la ở đây được hiểu là nói chuyện lớn tiếng).

Tôi thương kính những người như thế, vì ông chân tình, không môi miếng như bao nhiêu người khác. Quý ông là chỗ đó. Tôi và ông chỉ là sơ giao mà tuổi tác cũng cách nhau gần một thế hệ. Ông sinh năm 1931 tại Hà Nam (Bắc Việt), là một tín đồ thuần thành của đạo Công giáo, di cư vào Nam vào năm 1954 sau Hiệp định Genève. Tôi sinh năm 1945 tại Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh Long Xuyên (nay là An Giang), tập tục Hòa Hảo. Nghĩa là giữa ông và tôi khác nhau về tuổi tác, tôn giáo; kể Bắc người Nam, cũng chưa hề quen nhau qua công việc trước đây.

Tôi biết ông mến tôi, vì tôi cũng giống như ông. Tôi không tự cao, tự đại, không mồm mép, biết tôn trọng người trên, thương yêu kẻ dưới, không thích xun xoe, bợ đỡ những người có thế lực, giàu sang. Ông Thái Công Khởi (Hiệu trưởng ►

► trường Võ Thị Sáu năm 1980-1984), thương mến giúp đỡ tôi rất nhiều. Có lẽ là do ông quý vì đức tính của tôi. Ông Ba Khởi mất năm 1985, để lại nhiều thương tiếc trong lòng học viên và giáo viên trường Võ Thị Sáu.

Ông Tiến dạy con làm việc cho ai cũng phải tận tụy, có trách nhiệm (lúc Viên còn đi học lớp 11, 12, ngoài giờ đi học còn làm thêm, vẽ và đánh máy cho tiệm in Ronéo Thịnh; sau này hai bố con làm thêm cho ronéo Quới, cũng nhận đồ làm không kịp). Đó là những đức tính mà ông đã dạy con thành người hữu dụng cho xã hội. Ngoài ra tôi gần ông ở chỗ là giáo dục cho con cái chữ "Đề" của Nho giáo. Ngoài "Hiếu" đối với cha mẹ, con cái phải biết "Đề" tức là phải nghe lời, kính yêu huynh trưởng. Đó là giềng mối đạo lý của dân tộc Việt Nam! Ở các làng cổ ở miền Bắc, cổng làng tồn tại mấy trăm năm, vẫn còn rành rạnh hai chữ "Hiếu - Đề" (bằng chữ Hán), ở nơi cao nhất của cổng làng.

Các con của ông đều kính trọng và thương mến anh Dũng, anh Viên của chúng. Tôi cũng có cùng quan điểm giáo dục như ông. Tôi vẫn luôn dạy con trai cũng như con gái : "Anh cả của chúng con, các con phải tuyệt đối tuân phục, thính tòng luôn cả chị dâu cả nữa". Các con chẳng thiệt mất gì, chỉ có hạnh phúc cho đại gia đình mà cho cả nền nếp đạo đức, cho mỗi gia đình riêng của các con nữa".

Đạo lý ngày nay có phần suy đồi, con đánh cha mẹ, em giết anh, mắng cha, nhiếc chị. Phải chăng truyền thống giáo dục "Hiếu - Đề" ngày nay người ta đã quên? Cách đây 2 -3 năm, tôi có gợi ý cho Viên viết một bài, đăng trên báo An Giang về "Hiếu - Đề". Bài viết này được Ban biên tập đánh giá cao, vì viết về đề tài khơi dậy giáo dục truyền thống lễ nghĩa trong gia đình.

Thời gian qua, tình cảm ông dành cho tôi, và

tôi dành cho ông ngày càng nhiều hơn. Trong lúc tôi bệnh, ông gọi điện thoại hỏi thăm. Trong ngày đầu năm Tết Nguyên Đán, ông gọi điện thoại chúc mừng năm mới. Con trai của ông (em của Viên) xây được nhà mới, ông mời tôi đến với mấy dòng rất đáng yêu : "Thân vui là chính" (mọi thứ khác đều là thứ yếu)".

Tôi gọi ông là Thầy vì ông gốc là nhà giáo. Ông cũng gọi tôi là Thầy vì tôi là Thầy học của các con ông. Vậy thì không ai lớn, ai nhỏ, không ai trên dưới...? Không ổn chút nào!

Ngày các con ông làm lễ mừng "thượng thọ bát tuần", ông cũng mời tôi cùng với một số thân hữu khác đến dự. Sau phần chúc thọ của Ngô Anh Dũng là con trai trưởng, đại diện cho anh chị em trong nhà, ông có tâm tình với chúng tôi cảm tưởng của mình : "Các cháu lớn khôn nên người cả rồi, chúng lo cho ông bố "gà trống nuôi con" cũng là điều tốt đẹp, hợp đạo lý thôi. Đó là vinh dự lớn lao cho tôi! Xin cảm ơn các con đã thương yêu Bố . Xin cảm ơn quý thân hữu đã quý mến tôi và tới cùng gia đình tôi uống ly rượu tình nghĩa với nhau trong niềm tin vào Thiên Chúa".

Tôi cảm động, nước mắt tràn ra mi. Tôi nén lòng và quay mặt chặm nước mắt. Nhưng Viên kịp trông thấy và hỏi : "Thầy khóc phải không?". Tôi nhẹ nhàng thú nhận là vì tôi xúc động vô cùng!

Có một dạo ông bệnh nhiều, sau khi lên SaiGon chữa trị, ông về ở với người con gái (em thứ năm của Viên). Tôi và ông Vũ Văn Chúc đến thăm ông với chút quà là hộp sữa Ensure (do tôi và ông Chúc chung nhau làm quà). Lúc ấy thấy ông gầy, tôi lo lắng, không biết có qua khỏi không? Ông nói : "Tuổi già mà, chừng nào Chúa gọi thì đi, chẳng có gì phải bận bịu. Bốn phận làm người thì đã xong rồi. Tâm hồn rất thanh thản!".

Ngày Viên gả con gái lớn là Tường Vy, trong tiệc cưới vui tươi, ông không thể đến dự vì sức

khỏe đang suy kém. Mặc dù cháu nội gái "Vu qui" là đứa cháu học rất giỏi, được ông yêu quý nhất. Tại tiệc cưới ở nhà hàng Thăng Lợi, tôi hỏi Viên sao không thấy ông nội của Tường Vy? Viên nói : "Bố em mệt lắm nên không đến được. Bố không muốn làm con cái phải vướng víu bận lòng vì mình!".

Tấm lòng cao thượng của cha mẹ, ông bà yêu thương con cháu là như thế. Và mãi mãi như thế!

Đầu năm 2013, ông giới thiệu một linh mục trẻ tới thăm tôi, để có chút trao đổi về Hán tự. Linh mục ấy là "Cha Tuyến". Cha Tuyến mới khoảng ngoài 40, cởi mở, ham học hỏi mà lại yêu thích chữ Hán, đem ý nghĩa chiết tự trong chữ Hán vào bài giảng của mình tại nhà thờ. Rất đáng trân trọng. Tôi rất mến cha Tuyến vì tính ham học hỏi, thẳng thắn của cha. Tôi cảm ơn ông vì đã giới thiệu tôi được kết bạn với một linh mục trẻ, giỏi dang như vậy. Những bức thư pháp chúc mừng gia đình tôi, mãi được các con của tôi ngưỡng mộ, trân trọng tài thư pháp và tấm lòng của cha Tuyến.

Tết năm nay (Giáp Thìn), chưa kịp thăm ông thì đã được ông gọi điện thoại thăm hỏi và chúc mừng. Tôi áy náy quá! Ông cụ 83 tuổi lại hỏi thăm trước ông già 69 tuổi là tôi. Thật là không hợp đạo lý "kính lão" chút nào. Tôi cảm ơn ông qua điện thoại mà lòng vẫn băn khoăn, bứt rứt.

Lúc bấy giờ ông sống chung với con trai thứ tư (Tường - em kế của Viên). Vừa hết những ngày náo nhiệt rộn rã của Tết, tôi có chút quà nhỏ đến thăm ông và tạ lỗi đã để ông hạ cố thương mến tôi, trong khi tôi là hậu sinh mà lại chậm thi lễ với người trưởng thượng.

Trong cái bắt tay thân ái mà ông dành cho tôi, qua tiếng nói sang sảng mà chân tình của ông, tôi thấy thật hạnh phúc. Hạnh phúc quả là không đo lường được bằng tiền bạc, chỉ đo được

bằng nhịp đập của con tim và ánh mắt thương yêu mà thôi.

Ông nói : "Già rồi gặp nhau là mừng rồi ông ạ! Mỗi đêm tôi sẽ nguyện Chúa cho chúng ta ông nhé!". Tôi xúc động nắm tay ông.

Ngày 10-5-2014 tiệc cưới con trai út của tôi là Lam Duy (và con dâu Hồng Anh). Hôn lễ đã được cử hành tại nhà thờ Công giáo Hạnh Thông Tây (Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh). Chỉ làm phép giao vì con dâu Hồng Anh là Công giáo, còn Lam Duy không muốn theo đạo của nhà gái. Nhưng nhờ ân sủng của Tổng Giám mục NQK, nên cặp đôi tân lang - tân giai nhân nhận được phép lành của Đức Thánh Cha Phanxicô từ Vatican gửi qua Sai Gon trước lễ cưới một tuần).

Tôi nhờ Viên đến rước bố Tiến tới nhà hàng Thăng Lợi để chứng kiến, với tư cách là trưởng lão của hai họ, mà cũng là để tôi và ông mừng nhau, gặp nhau trong sự thương kính sâu xa từ đáy lòng nhau. Ông yếu nhiều nên không đến được. Tôi có ý trông ngóng ông đến, nhưng đôi chân của ông yếu nên không ngồi xe đến nhà hàng được. Tôi rất mong ông đến nhưng cùng đành thôi! Có chút gì đó thoáng gợn buồn.

Sau tiệc cưới một tuần, tôi có chút quà bánh tới thăm ông và cũng để nói lên tấm lòng của tôi đối với ông. Tôi bước vào nhà chào ông, với lời chào và tiếng cảm ơn sau ngày gia đình có hỷ sự. Ông rạng rỡ siết tay tôi, nói lời xin lỗi đã không tới dự tiệc cưới. Ông cầm hộp chút quà của tôi là bánh biscuit LU và nói : "Bánh LU của ngày xưa đây! Giờ này sao lại còn có được! Ông bạn nhỉ!". Tôi cười nói với ông : "Bánh là thứ yếu, cái tình của ông đối với tôi mới là đáng quý! Ông Tiến ơi! Chú Tiến ơi! Thế này nhé! Từ đây ông với tôi là chú cháu có được không? Ông là Nghĩa thúc của tôi và xin ông xem tôi là Nghĩa diệt của ông nhé!". Ông trả lời : "Thôi mình là anh em đi ông ▶

▶ ạ!", tôi vội tiếp lời : "Không, cháu xin chú. Xin gọi nhau là chú cháu vừa hợp lẽ đời, hợp lòng người hơn. Chú nghĩ có phải không? Người 69 tuổi gọi cụ thương thọ 83 tuổi là anh sao được. Phải gọi nhau là chú, là cháu chứ!"

Tôi ôm ông và ông cũng ôm chầm lấy tôi. Tôi nghẹn ngào xúc động. Từ nay tôi có thêm một người thân như ruột thịt là chú (chú Tiến).

Ông vỗ vai tôi : "Mình già rồi! Thôi thì tôi sẽ mỗi ngày cầu nguyện cho chú cháu ta vậy! Xin Chúa minh chứng cho tấm chân tình của chú cháu ta.

Tôi cáo biệt ra về, lòng tôi hân hoan. Tôi không có bác, không có chú ruột thịt vì thân sinh tôi là con độc sinh.

Nay có chú Tiến! Cuộc đời mình sẽ có một chỗ dựa tinh thần để yêu thương, để được chia sẻ, và các con của chú sẽ là những đứa em tuy không nói ra nhưng lòng tôi đã xem như là các em trực hệ huyết thống - thứ huyết thống vô hình nhưng còn bền chặt hơn những người chung huyết thống mà xem nhau như kẻ lạ.

Xin chú mỗi ngày, Nghĩa thúc ơ! Chú hãy cầu nguyện hồng ân Thiên Chúa ban cho tình chú cháu của chúng ta mãi mãi bền chặt và tốt đẹp. Chú thân yêu của cháu.

Rất thương kính chú.

Đặng Lang Anh
20-6-2014



Đôi dòng tản mạn:

Thú chơi



Quang Tuấn

Xin thưa trước với quý bạn, tôi không phải là một học giả hay nhà nghiên cứu, phê bình văn học chi cả mà chỉ là một người bình thường thích văn nghệ, yêu thi ca theo kiểu tài tử nghiệp dư, thế thôi .Như vậy ở đây tôi không có tham vọng bàn sâu rộng về thơ như : định nghĩa thơ là gì, kỹ thuật làm thơ như thế nào, tính nghệ thuật trong thơ ra sao, thơ có bao nhiêu khuynh hướng..v...v.. mà chỉ nói ra những cảm nghĩ, những tâm tình riêng theo quan điểm cá nhân của tôi trong thú chơi thơ mà thôi . Có thể quan điểm của tôi không giống của bạn, nếu khác vậy xin bạn thông cảm cho vì đây chỉ là đôi dòng tản mạn để chia sẻ cảm nghĩ với nhau chứ không phải một bài luận thuyết chi cả.

Để quý bạn dễ theo dõi bài viết, tôi xin chia bài này ra làm ba phần : phần thứ nhất là lý do tại sao tôi yêu thơ, phần thứ hai là thú vui của người đọc thơ hay thưởng thức thơ, phần thứ ba cuối là thú vui của người làm thơ hay của thi sĩ .